

BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN VẬT LIỆU

1. DANH TÍNH CÔNG TY VÀ SẢN PHẨM

TÊN SẢN PHẨM : AP 4T SUPER SG 20W-50

CẤP ĐỘ NHỚT SAE: 20W-50

CẤP CHẤT LƯỢNG API: SG

CÔNG DỤNG : Dầu động cơ xăng 4 kỳ.

HẠN CHẾ SỬ DỤNG : Sản phẩm không được khuyến nghị sử dụng cho mục đích khác nếu không được sự khuyến nghị của chuyên gia.

DANH TÍNH CÔNG TY : CÔNG TY CỔ PHẦN AP SAIGON PETRO

Lầu 1, 6B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38224848 Fax: (028) 38243959

E-mail: info@apsaigonpetro.com.vn

ĐƯỜNG DÂY NÓNG : 1900 0104 (Hỗ trợ kỹ thuật)
114 (Cứu hỏa)
115 (Cứu thương)

2. THÀNH PHẦN GÂY HẠI

PHÂN LOẠI NGUY HẠI: Gây hại thủy sinh loại 3.

Gây hại thủy sinh dài hạn loại 3.

TỪ CẢNH BÁO: Không.

HÌNH CẢNH BÁO: Không.

TUYÊN BỐ GÂY HẠI: Có hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

BÁO CÁO PHÒNG NGỪA:

Phòng ngừa: Tránh thải bỏ ra môi trường.

Phản hồi: Không áp dụng.

Lưu trữ: Lưu trữ nơi thoáng mát.

Thải bỏ: Thải bỏ chất lỏng/vật chứa theo quy định của khu vực, địa phương, quốc gia và quốc tế.

CÁC NGUY HẠI KHÁC KHÔNG ĐƯỢC DẪN CHỨNG TRONG PHÂN LOẠI: Không áp dụng.

3. THÀNH PHẦN CẤU TẠO

TÊN HÓA HỌC VÀ TỪ ĐỒNG NGHĨA: Dầu khoáng xử lý sâu và phụ gia.

THÀNH PHẦN GÂY HẠI :

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ %w/w	Phân loại
Zinc dialkyl dithiophosphate	68649-42-3	<1.5	Ăn mòn/ Kích ứng da: 2; H315 Tổn thương/ Kích ứng mắt: 1; H318 Thủy sinh: 2; H401 Gây hại thủy sinh dài hạn: 2

4. PHƯƠNG PHÁP SƠ CỨU BAN ĐẦU

SỰ HÍT PHẢI: Thực hiện chăm sóc y tế nếu ho hoặc có sự khó chịu về hô hấp. Không sử dụng phương pháp hồi sức bằng miệng nếu nghi ngờ tiếp xúc với hydro sulfur.

TIẾP XÚC DA: Cởi bỏ quần áo bị dính bẩn. Xối nước nhiều và rửa thật sạch bằng xà phòng vùng da bị nhiễm bẩn. Nếu xảy ra kích ứng, phải thực hiện chăm sóc y tế.

TIẾP XÚC MẮT: Rửa mắt thật nhanh bằng nước trong vài phút dưới vòi nước chảy. Tháo bỏ kính áp tròng (nếu có). Tiếp tục rửa mắt. Nếu vẫn còn kích ứng, cần có sự chăm sóc y tế.

SỰ NUỐT PHẢI: Không gây nôn. Đề phòng ngứa, tìm sự trợ giúp y tế.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY :

- Thích hợp : Tia nước, bột khô, bột hoặc cacbon dioxit.
- Không thích hợp : Không sử dụng súng phun nước, vòi phun nước.

CHỮA CHÁY :

- **Hướng dẫn chữa cháy:** Sử dụng nước làm loãng, ngăn chặn kiểm soát không cho lửa bùng phát trở lại. Người làm công tác chữa cháy cần trang bị đầy đủ thiết bị bảo vệ và phải có thiết bị trợ thở đặc biệt.
- **Sản phẩm đốt cháy nguy hiểm:** khói, aldehydes, oxit cacbon, oxit lưu huỳnh, oxit nito, oxit kim loại, hydro sulfur, oxit photpho, sản phẩm đốt cháy không hoàn toàn.

6. BIỆN PHÁP GIẢM NHẸ RỦI RO

Trong trường hợp xảy ra sự cố gây tràn, thông báo đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

QUY TRÌNH THÔNG BÁO :

- Trong trường hợp bị chảy tràn ra ngoài hay rò rỉ ngẫu nhiên ra ngoài, nhanh chóng thông báo cho các bộ phận có trách nhiệm theo đúng quy định.

BIỆN PHÁP BẢO VỆ :

- Tránh tiếp xúc với vật liệu bị đổ, tràn ra ngoài.
- Không chạm hoặc đi qua vật liệu bị đổ.
- Các biện pháp bảo vệ bổ sung cần thiết, tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể và/hoặc theo đánh giá của chuyên gia (tham khảo mục 8).

XỬ LÝ TRÀN DẦU :

- **Tràn ra đất:** Bịt ngay chỗ rò rỉ nếu không có những mối nguy hại. Phục hồi bằng cách bơm hoặc thấm dầu phù hợp.
- **Tràn ra nước:** Bịt ngay chỗ rò rỉ nếu không có những mối nguy hại. Dùng máy cẩu để hạn chế tràn ngay lập tức. Cảnh báo cho những tàu khác. Nếu đang chuyển hàng, phát thông báo để tránh xa. Sử dụng chất hấp thụ bề mặt thích hợp và tham vấn chuyên gia ứng phó sự cố khi sử dụng các chất phân tán.
Sự cố tràn ra đất và nước được cảnh báo dựa trên những sự cố tràn tương tự dành cho nguyên liệu này. Tuy nhiên, các điều kiện tự nhiên như gió, nhiệt độ, sóng cũng sẽ là nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình xử lý. Vì lý do này, nên tham khảo các chuyên gia ứng phó sự cố để đưa ra giải pháp thích hợp.

THẬN TRỌNG VỚI MÔI TRƯỜNG:

- **Tràn với lượng nhỏ chất lỏng:** Thấm dầu bằng đất, cát hoặc các vật liệu không cháy, cho vào thùng chứa và xử lý sau.
- **Tràn với lượng lớn chất lỏng:** Cách ly chất lỏng để xử lý. Không cho nguồn chất lỏng thấm vào nguồn nước hay tràn ra hệ thống cống, tầng ngầm hoặc các khu vực kín khí khác.

7. VẬN CHUYỂN VÀ LƯU TRỮ

- **VẬN CHUYỂN :** Mang bao tay bảo hộ. Rửa tay ngay sau khi vận chuyển. Tránh hút bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ phun. Trang phục làm việc bị nhiễm bẩn không được phép để ngoài nơi làm việc. Không thải bỏ ra ngoài nơi làm việc. Sản phẩm này có chứa zinc dialkyl dithiophosphate (ZDDP). Chất này nhạy cảm với nhiệt độ, không được gia nhiệt vượt mức nhiệt độ cho phép.
- **LƯU TRỮ :** Bảo quản theo đúng quy định và luật pháp và yêu cầu của nguyên vật liệu.

8. BẢO VỆ CÁ NHÂN/KIỂM SOÁT TÌNH TRẠNG NGUY HIỂM

GIỚI HẠN NGUY HIỂM :

	Sương dầu TLV/TWA	TLV/STEL
Sương dầu, dầu khoáng	5 mg/m ³ sương	10 mg/m ³ sương

KIỂM SOÁT CÔNG NGHỆ :

Không có yêu cầu đặc biệt ở điều kiện sử dụng và lưu trữ thông thường.

BẢO VỆ CÁ NHÂN : lựa chọn và sử dụng các thiết bị cá nhân có liên quan đến rủi ro cầu sản phẩm, nơi làm việc, các sản phẩm đã qua xử lý.

• **Bảo vệ mắt:** Nên dùng kính bảo hộ nếu có khả năng sản phẩm bị dính lên mắt.

• **Bảo vệ da và cơ thể:**

Bảo vệ da: Khuyến cáo mặc áo tay dài. Giặt sạch quần áo bị bẩn trước khi sử dụng lại.

Bảo vệ tay: Sử dụng gang tay nitrile hoặc neoprene.

• **Bảo vệ đường hô hấp:** Không có yêu cầu đặc biệt trong điều kiện sử dụng và lưu trữ thông thường. Khuyến nghị sử dụng mặt nạ phòng độc với hơi hữu cơ kết hợp cùng với hộp lọc hiệu quả cao chỉ khi vượt quá giới hạn phơi nhiễm. Sử dụng thiết bị thở độc lập để vào các khu vực hạn chế, thông gió kém và các vị trí làm sạch xử lý sự cố tràn.

• **Biện pháp vệ sinh đặc biệt:** Luôn luôn giám sát việc bảo vệ cá nhân ở tình trạng tốt chẳng hạn như rửa tay sau khi tiếp xúc với nguyên liệu, trước khi ăn, uống hoặc hút thuốc. Luôn giặt quần áo bảo hộ và các dụng cụ bảo hộ để khử tạp chất, chất bẩn. Thải bỏ các quần áo bị nhiễm bẩn và giày bảo hộ không thể giặt sạch được. Giữ cho kho, xưởng luôn sạch sẽ.

9. TÍNH CHẤT LÝ HÓA

TRẠNG THÁI VẬT LÝ :	Chất lỏng dầu
MÙI :	Theo thị trường
NGƯỠNG MÙI :	Không xác định
PH:	Không áp dụng
ĐIỂM RÓT CHÁY/ĐIỂM ĐÓNG BĂNG:	Không xác định
ĐIỂM ĐÔNG:	Không xác định
ĐIỂM/ KHOẢNG SÔI:	Không xác định
TỶ TRỌNG (nước=1.0):	0.85 to 0.90
ĐIỂM CHỚP CHÁY (PHƯƠNG PHÁP) :	Min. 200°C (392°F) [ASTM D92]
TỐC ĐỘ HÓA HƠI:	< 0.01
TÍNH DỄ CHÁY:	Không xác định
GIỚI HẠN DỄ CHÁY (% thể tích trong không khí) :	Không xác định
ÁP LỰC HƠI:	Không xác định
MẬT ĐỘ HƠI (không khí =1):	Không xác định
TRỌNG LƯỢNG RIÊNG (nước=1.0):	Xấp xỉ 0.90 ở 15°C
ĐỘ TAN TRONG NƯỚC :	Không đáng kể
HỆ SỐ PHÂN TÁCH (n-octanol/nước):	Không xác định
NHIỆT ĐỘ TỰ KÍCH CHÁY:	Không xác định
NHIỆT ĐỘ PHÂN HỦY:	Không xác định

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG: Sản phẩm này được ghi nhận không gây ra bất kỳ phản ứng độc hại nào.

ĐỘ ỔN ĐỊNH HÓA HỌC: Sản phẩm ổn định ở điều kiện thông thường.

KHẢ NĂNG XẢY RA CÁC PHẢN ỨNG ĐỘC HẠI: Không xảy ra các phản ứng độc hại.

ĐIỀU KIỆN CẦN TRÁNH : Quá nhiệt.

VẬT LIỆU KHÔNG TƯƠNG THÍCH: Tác nhân oxy hóa mạnh, nước.

SẢN PHẨM PHÂN HỦY GÂY HẠI : Sản phẩm này không phân hủy ở nhiệt độ thường.

11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

ĐỘC CẤP TÍNH: Không có dữ liệu gây độc sẵn có trên hỗn hợp. Xem xét nồng độ riêng biệt của từng thành phần để đánh giá độc tính ảnh hưởng từ việc tiếp xúc với hỗn hợp.

Thông tin độc tính dựa vào thành phần của hỗn hợp:

Zinc dialkyl dithiophosphate	Uống cấp tính LD ₅₀ : 2230mg/kg Da cấp tính LD ₅₀ >2000mg/kg
------------------------------	---

ĂN MÒN/ KÍCH ỨNG DA: Tránh tiếp xúc trực tiếp. Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài có thể gây kích ứng. Dựa vào dữ liệu trong thành phần hoặc nguyên vật liệu tương đương.

TỒN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG/ KÍCH ỨNG MẮT: Hơi gây tổn thương/ kích ứng mắt. Việc đánh giá dựa trên dữ liệu thành phần hoặc nguyên vật liệu tương đương.

MẮN CẢM VỚI DA/ HỆ HÔ HẤP: Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

KHẢ NĂNG GÂY ĐỘT BIẾN TẾ BÀO: Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

KHẢ NĂNG GÂY UNG THƯ: Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

ĐỘC TÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG SINH SẢN: Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

ĐỘC TÍNH HỮU CƠ (PHÁT THẢI 1 LẦN): Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

ĐỘC TÍNH HỮU CƠ (PHÁT THẢI NHIỀU LẦN): Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

NGUY HẠI KHI HÍT PHẢI : Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

12. THÔNG TIN SINH THÁI

ĐỘC SINH THÁI : Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

KHẢ NĂNG TỒN TẠI VÀ PHÂN HỦY: Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm. Dầu gốc không dễ xảy ra phân hủy sinh học.

KHẢ NĂNG TÍCH LŨY SINH HỌC: Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

TÍNH LƯU ĐỘNG TRONG ĐẤT : Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm. Dầu gốc dễ hấp thụ trong đất.

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ PBT VÀ VSVB: Không có dữ liệu sẵn có được ghi nhận trên sản phẩm.

13. LƯU Ý KHI THẢI BỎ

XỬ LÝ CHẤT THẢI: Không được xả thải vào nguồn nước, đất. Không được chôn lấp. Sản phẩm thải bỏ phải được thu hồi và tái chế bởi các công ty được cấp phép theo quy định. Chất lỏng/ vật chứa được thải bỏ tuân theo luật pháp, quy định và tính chất của vật liệu tại thời điểm thải bỏ.

CẢNH BÁO THÙNG CHỨA RỘNG: Những thùng chứa rộng có thể chứa hàm lượng cực kỳ nguy hiểm. Không nên làm đầy hoặc vệ sinh containers khi chưa có qui trình hướng dẫn hợp lý. Những phuy rộng nên bảo quản an toàn cho đến khi có phương pháp tu bổ hoặc thải bỏ hợp lý. Những thùng phuy chứa rộng nên được thu hồi, tái sử dụng hoặc thải bỏ tuân theo qui định hợp pháp của pháp luật. Không được làm tăng áp, cắt, hàn, hàn gia nhiệt, mài hay lấy những thùng chứa này để gần những ngọn lửa, nhiệt, vật dễ bắt lửa, tĩnh điện, hay những nguồn đánh lửa khác; chúng có thể gây nổ tung, gây bị thương hoặc dẫn đến tử vong.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

ĐƯỜNG BỘ : Không quy định.

ĐƯỜNG THỦY(IMDG) : Không quy định.

ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG(IATA): Không quy định.

15. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

Không nguy hiểm cho việc vận chuyển theo UN, ADR/RID, IMO và IATA/ICAO.
Tất cả các thành phần đều tuân thủ TSCA. Không bắt buộc phải dán nhãn EU.

16. THÔNG TIN KHÁC

Nội dung của các thông báo nguy hiểm trong Phần 3:

H315: Gây kích ứng da.

H318: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

H401: Gây độc cho thủy sinh.

N/D = không xác định, N/A = Không áp dụng

Không có lưu ý đặc biệt nào khác cho sản phẩm này.

Thông tin trong tài liệu này dựa trên dữ liệu được cho là đáng tin cậy tại thời điểm phát hành và chi liên quan đến các vấn đề được đề cập cụ thể trong tài liệu này. Mặc dù AP SAIGON PETRO JSC đã rất cẩn trọng trong việc chuẩn bị thông tin này, nhưng trong trường hợp không phát sinh bất cứ nội dung nào khác theo một hợp đồng cụ thể, không có sự trình bày, bảo hành (rõ ràng hay ngụ ý), hoặc đảm bảo phù hợp, độ chính xác, độ tin cậy hoặc tính đầy đủ của thông tin; không có gì trong tài liệu này sẽ làm giảm trách nhiệm của người dùng về việc thỏa mãn tính phù hợp, độ chính xác, độ tin cậy và tính đầy đủ của thông tin đó đối với việc sử dụng cụ thể; không có sự đảm bảo chống vi phạm sở hữu trí tuệ; và AP SAIGON PETRO JSC sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất, thiệt hại hoặc thương tích nào có thể xảy ra do việc sử dụng thông tin này không đúng gây nguy hiểm tính mạng hoặc thương tích do sơ suất cá nhân. Không có tuyên bố nào được hiểu là sự chứng thực của bất kỳ sản phẩm hoặc quy trình nào. Để chắc chắn hơn, trước khi sử dụng thông tin trong tài liệu này, đặc biệt nếu sản phẩm được sử dụng cho mục đích hoặc trong các điều kiện bất thường hoặc không thể lường trước một cách hợp lý, thông tin này phải được xem xét với nhà cung cấp thông tin đó.